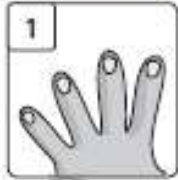
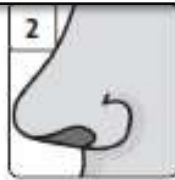


1 Look and circle.

Em hãy nhìn và khoanh tròn từ đúng



fingers
arms



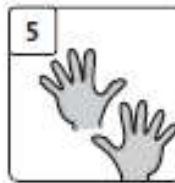
face
nose



hands
face



legs
fingers



hands
legs



nose
arms

2 Trace and match.

Em hãy điền từ và nối với bộ phận cơ thể

fingers

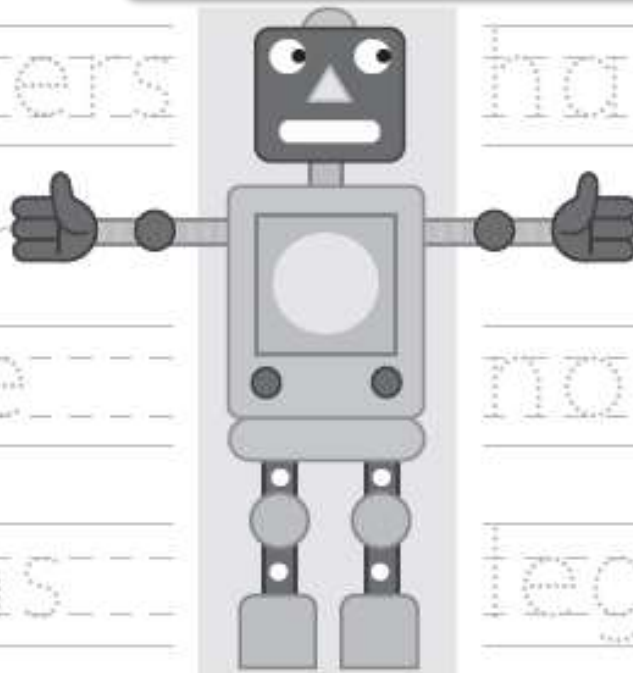
hands

face

nose

arms

legs



1 Trace and circle.

Em hãy điền từ và khoanh tròn hình đúng

1 These are my arms.



2 These are my fingers.



3 This is my nose.



4 These are my legs.



5 These are my hands.



6 This is my face.



2 Draw. Point and say.

This is me!
These are my ...

*Em hãy vẽ bản thân.**Nhìn tranh và luyện nói*

fingers
hands
legs
nose
face
arms

Em hãy nhìn và đánh dấu ✓ vào ô có câu trả lời đúng.



Exercise 1 Look and tick (✓) the correct option.

1



a) These are my arms.

b) This is my face.

2



a) This is my face.

b) This is my nose.

3



a) These are my legs.

b) These are my hands.

4



a) These are my fingers.

b) These are my hands.

5



a) These are my fingers.

b) These are my legs.

6

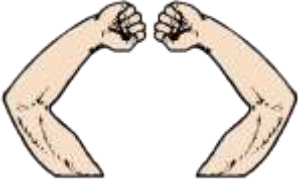


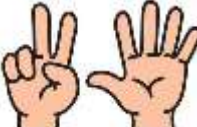
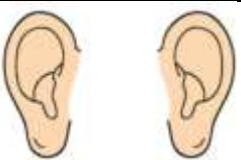



a) This is my nose.

b) These are my hands.


Em hãy hoàn thành câu theo tranh.

Exercise 2 Write the sentence following the picture

| | |
|--|---|
|  |  |
| 1. These are my arms. | 2. is my |
|  |  |
| 3. These.....my | 4. These are |
|  |  |
| 5. my legs. | 6.is my |

Exercise 3 Read and color the face

Đọc và tô màu khuôn mặt.

| | |
|---|--|
|  | <ol style="list-style-type: none">1. My eyes are blue2. My mouth is red.3. My ears are orange4. My nose is brown. |
|---|--|